

Tuần: 28.

Ngày soạn:

Tiết PPCT: 28

Ngày dạy :

ÔN TẬP HKI

I. Mục tiêu cần đạt:

- Hệ thống lại kiến thức đã học .
- Ôn lại các dạng biểu đồ: cột, đường, tròn.
- Phân tích và nhận xét bảng số liệu.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

SGK, thước, viết, compa, ...

III. Nội dung bài mới:

* Lý thuyết:

- BÀI 8.
- BÀI 9.
- BÀI 10.

Trắc nghiệm:

Câu 1: Khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn của Nhật Bản là

- A. dầu khí B. quặng sắt C. than đá D. kim cương

Câu 2: Khí hậu chủ yếu của Nhật Bản là

- A. cận cực và ôn đới B. cận cực và cực
C. nhiệt đới và cận nhiệt D. cận nhiệt và ôn đới

Câu 3: Nhật Bản đứng đầu thế giới về sản lượng nông sản là

- A. lúa gạo B. tơ tằm C. lúa mì D. đỗ tương

Câu 4: Các nông phẩm có sản lượng đứng hàng đầu của Trung Quốc là

- A. lương thực, bông, thịt lợn B. lương thực, bông, cừu
C. lương thực, bò cừu D. lương thực, bông, bò

Câu 5: Trung Quốc là một quốc gia rộng lớn nằm ở khu vực

- A. Bắc Á B. Tây Nam Á C. Đông Á D. Đông Nam

Á

Câu 6: Biết diện tích Trung Quốc là 9562,9 nghìn km², dân số giữa năm 2015 là 1371,9 triệu người, vậy mật độ dân số của nước này là

- A. 10 934 người/km² B. 8191 người/km²
C. 144 người/km D. 144 người/km²

Câu 7: Hãng điện tử nổi tiếng **không phải** của Nhật Bản là

- A. Toshiba B. Hitachi C. Samsung D. Sony

Câu 8: Các vật nuôi chính của Nhật Bản được nuôi theo các phương pháp tiên tiến và theo hình thức

- A. tự nhiên B. chuồng trại C. bán tự nhiên D. trang trại

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây **không phải** là hậu quả của xu hướng già hóa dân số ở Nhật Bản?

- A. Lao động có nhiều kinh nghiệm
 B. Chiến lược kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng
 C. Chi phí phúc lợi xã hội nhiều
 D. Thiếu lao động bổ sung

Câu 10: Hoạt động dịch vụ có vai trò hàng đầu ở Nhật Bản là

- A. du lịch và giao thông vận tải B. tài chính và du lịch
 C. thương mại và tài chính D. giao thông vận tải và thương mại

Câu 11: Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Nhật Bản là

- A. sản phẩm tin học hàng không và lương thực
 B. nông sản, năng lượng và nguyên liệu công nghiệp
 C. than đá, dầu mỏ và sản phẩm công nghiệp
 D. tàu biển, ô tô và máy bay

Câu 12: Đồng bằng do sông Trường Giang bồi đắp là

- A. Hoa Trung B. Hoa Bắc C. Hoa Nam D. Đông Bắc

Câu 13: Trung Quốc là quốc gia láng giềng nằm ở phía nào của nước ta?

- A. Phía Bắc B. Phía Tây C. Phía Nam D. Phía Đông

Câu 14: Để hạn chế tốc độ tăng dân số, từ năm 1979 Trung Quốc đã thực hiện chính sách dân số với nội dung

- A. mỗi gia đình có 1 đến 2 con B. mỗi gia đình chỉ có 1 con
 C. mỗi gia đình chỉ có 1 con trai D. mỗi gia đình chỉ có 2 con

Câu 15: Ranh giới giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc thường được phân định theo kinh tuyến

- A. 115⁰Đ B. 105⁰T C. 105⁰Đ D. 115⁰T

Câu 16: Miền Tây Trung Quốc dân cư thưa thớt chủ yếu là do

- A. ít tài nguyên khoáng sản và đất trồng
 B. sông ngòi ngắn dốc, thường xuyên gây lũ
 C. điều kiện tự nhiên không thuận lợi
 D. nhiều hoang mạc, bồn địa

* **Kỹ năng:** tính toán, vẽ BĐ cột, đường, tròn và nhận xét.

* **Bài tập:**

Cho bảng số liệu : Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản thời kì 1990 – 2005 (ĐV:%)

Năm	1990	1997	2001	2005
Tăng GDP	5,1	1,9	0,4	2,5

Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2005 và rút ra nhận xét

Hướng dẫn: HS vẽ BĐ đường

* Cách vẽ:

- Chia khoảng cách năm đúng.
- Năm đầu tiên nằm sát trục tung.
- Chia đúng tỉ lệ, có đơn vị, có số liệu.
- Ghi tên biểu đồ.

* Nhận xét:

Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2005 có xu hướng giảm và không ổn định.

- Từ 1990 - 2005, tốc độ tăng GDP giảm 2,6%.
- Trong đó, từ 1990 - 2001 tốc độ tăng GDP có xu hướng giảm 4,7%, từ 2001 - 2005 GDP có xu hướng tăng trở lại tăng 2,1% nhưng không cao như năm 1990.